TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày 14-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 393/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty J; trụ sở: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị K, phường S, Quận x, Thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1996, địa chỉ: Lầu 15, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị K, phường S, Quận x, Thành phố M (Giấy ủy quyền ngày 16/01/2023). Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Anh Q, sinh năm 2000; thường trú: Số 103 Trần Quý Cáp, khu phố T, phường A, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 23/02/2022, ông Phạm Anh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số 916900002565210000 với Công ty J để vay số tiền 20.000.000 đồng; mục đích vay mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng; thời hạn vay: 18 tháng, lãi

suất: 59,28%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Giao dịch được thực hiện qua Giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng ngày 23/02/2022.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông Q có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 18 tháng, mỗi tháng ông Q phải thanh toán cho Công ty J số tiền là 1.714.913 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối mỗi tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 31/3/2022.

Từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/8/2022 ông Q đã thanh toán cho Công ty J số tiền: 6.885.386 đồng chi tiết như sau:

- Nợ gốc: 2.936.242 đồng.
- Lãi: 3.879.757 đồng.
- Lãi quá hạn: 21.387 đồng.
- Phí quản lý khoản vay: 48.000 đồng.

Tuy nhiên từ sau ngày 01/8/2022, ông Q không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà cố tình né tránh mặc dù Công ty J đã nhiều lần gọi điện và nhiều lần trực tiếp đến nhà ông Q để yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Việc ông Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3, Điều 8 của hợp đồng số 916900002565210000 ngày 23/02/2022 mà hai bên đã ký kết.

Tính đến ngày 14/3/2023 thì dư nợ còn lại của ông Q là 24.919.760 đồng, chi tiết như sau:

- Nợ gốc: 17.063.758 đồng.
- Lãi trong hạn: 7.160.227 đồng.
- Lãi quán hạn: 647.775 đồng.
- Phí quản lý khoản vay: 48.000 đồng.

Nay Công ty J yêu cầu ông Q phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ số tiền tạm tính đến ngày 14/3/2023 là 24.919.760 đồng và ông Q phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh sau ngày 14/3/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- *Đối với bị đơn ông Phạm Anh Q*:

Quá trình tố tụng ông được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 22/02/2023, 14/3/2023

nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 22/02/2023, 14/03/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn: Hợp đồng tín dụng số 916900002565210000 ngày 23/02/2022 giữa Công ty J và bị đơn ông Phạm Anh Q và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[2.2] Quá trình tố tụng, ông Phạm Anh Q đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thanh toán nợ cho Công ty J. Căn cứ lịch sử thanh toán chi tiết; Bảng tổng hợp gốc, lãi, phí sao kê do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Q đã vay số tiền 20.000.000 đồng, đã thanh toán được 6.885.386 đồng, còn nợ tiền gốc là 17.063.758 đồng. Từ tháng 08/2022 đến nay ông Phạm Anh Q không thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 14/3/2023 là 24.919.760 đồng, trong đó nợ gốc 17.063.758 đồng; lãi trong hạn 7.160.227 đồng, lãi quá hạn 647.775 đồng, phí quản lý khoản vay 48.000 đồng là có căn cứ. Ông Phạm Anh Q phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty J đối với ông Phạm Anh Q về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Anh Q có trách nhiệm thanh toán cho Công ty J số tiền nợ tính đến ngày 14/3/2023 là 24.919.760 đồng; trong đó: nợ gốc 17.063.758 đồng, lãi trong hạn 7.160.227 đồng, lãi quá hạn 647.775 đồng, phí quản lý khoản vay 48.000 đồng.

Tiền lãi trên dư nợ gốc thực tế kể từ ngày 15/3/2023 trở đi được tiếp tục tính theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 916900002565210000 ngày 23/02/2022 giữa Công ty J và bị đơn ông Phạm Anh Q cho đến khi ông Q trả xong các khoản nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Anh Q phải chịu 1.245.988 đồng. Hoàn trả cho Công ty J số tiền tạm ứng án phí là 502.882 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000765 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Nam